

Bản án số: 318/2023/HC-PT

Ngày: 11-9-2023

V/v: “*Kiểm quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Đinh Phước Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Bùi Ngô Ý Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 140/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Cao P, sinh năm 1947; địa chỉ: Số A N, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1989; Địa chỉ: A đường V, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T, chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố B.

Địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Quang H – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị M, sinh năm 1951
2. Ông Cao Văn N1, sinh năm 1985
3. Ông Cao Văn N2, sinh năm 1987
4. Bà Cao Thị N3, sinh năm 1983
5. Ông Cao Văn A, sinh năm 1991
6. Bà Cao Thị Như Ý, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: A N, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Cao P.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 12-7-2012, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi số: 2566/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 593,1m² đất hộ gia đình ông Cao P tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình đường T. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2586/QĐ-UBND ngày 12-7-2012 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với công trình đường T. Trong đó, hộ gia đình ông Cao P được bồi thường, hỗ trợ với số tiền là: 1.150.899.254 đồng.

Ngày 31-12-2013, UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số: 310/TB-UBND về việc tạm dừng, cắt giảm, giãn tiến độ đối với dự án đầu tư (trong đó có dự án đường T). Đến năm 2017 UBND tỉnh Đ ban hành Văn bản số: 4320/UBND-TH về việc tiếp tục thi công công trình đường T.

Ngày 22-10-2018, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Văn bản số: 482/TB-TTPTQĐ về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông P. Tuy nhiên, đến năm 2019 ông P mới nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ.

Do không đồng ý về việc UBND thành phố B không chi trả thêm số tiền chậm trả khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông, nên đã nộp đơn khởi kiện. Tại Bản án số: 37/2020/HC-ST ngày 25-9-2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã bác đối với yêu cầu của ông P. Tại Bản án số 123/2021/HC-PT ngày 18/3/2021 Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên xử “Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho ông Cao P trong thời gian từ ngày 12/7/2012 đến ngày 28/8/2019”.

Ngày 27/5/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 04/2021/QĐ-CA về việc buộc thi hành bản án với nội dung “Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B có trách nhiệm phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P trong thời gian từ ngày 12/8/2012 đến ngày 27/8/2019”.

Ngày 27/7/2022, ông P nhận được Quyết định số: 6681/QĐ-UBND ngày 22-7-2022 của UBND thành phố B về việc “Phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường đất do chậm chi trả tiền bồi thường đất đối với hộ ông Cao P”. Theo đó, mức bồi thường bổ sung cho ông P số tiền: 179.281.043 đồng.

Quyết định số: 6681/QĐ-UBND ngày 22-7-2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B căn cứ theo Bản án số: 123/2021/HC-PT ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, nhưng lại không tính toán trên cơ sở nội dung của bản án là căn cứ tính lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 93 Luật đất đai 2013 là không đúng, trái quy định pháp luật. Vì vậy, ông Cao P yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề sau:

1. Huỷ một phần Quyết định số: 6681/QĐ-UBND ngày 22-7-2022 của UBND thành phố B;

2. Tuyên bố hành vi hành chính của UBND thành phố B về việc thi hành Bản án số: 123/2021/HC-PT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là trái pháp luật;

3. Buộc UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho ông Cao P trong thời gian từ ngày 12/8/2012 đến ngày 27/8/2019 theo đúng quy định Luật Quản lý thuế hiện hành.

Với số tiền chậm chi trả (lãi suất) tạm tính là: $1.150.899.254 \text{ đồng} \times 0,03\% \times 2261 \text{ (ngày)} = 779.700.000 \text{ đồng}$.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Ngày 12/7/2012, UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất số 2566/QĐ-UBND về việc thu hồi 593,1m² đất của hộ gia đình ông Cao P sử dụng đất tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình: Đường T, phường T (đợt 1) và Quyết định số 2586/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Đến ngày 31/12/2013, UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số 310/TB-UBND về việc tạm dừng, cắt giảm, giãn tiến độ đối với các dự án đầu tư.

Ngày 07/6/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 4320/UBND-TH về việc tiếp tục thi công công trình Đường T.

Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật đất đai và khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Trường hợp đã có Quyết định

thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt”. Quyết định số 2586/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đường T, thành phố B và Quyết định thu hồi đất số 2566/QĐ-UBND được UBND thành phố B ban hành ngày 12/7/2012 trước ngày 01/7/2014 và thực hiện đúng theo quy định tại thời điểm thu hồi đất. Do không đồng ý về việc UBND thành phố B không chi trả thêm số tiền chậm trả khi Nhà nước thu hồi đất nên hộ ông Cao P đã nộp đơn khởi kiện.

Ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Bản án số 37/2020/HCST đã tuyên xử: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao P. Tại bản án số 123/2021/HC-PT ngày 18/3/2021 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên xử “Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho ông Cao P trong thời gian từ ngày 12/7/2012 đến ngày 28/8/2019”.

Thực hiện Bản án số 123/2021/HC-PT, ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Ngày 22/7/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định 6681/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường về đất do chậm chi trả tiền bồi thường đối với hộ ông Cao P thuộc công trình: Đường T phường T.

Ngày 09/9/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố có Thông báo số 50/TB-TTPTQĐ về việc chi trả tiền bồi thường cho hộ ông Cao P và hộ ông Cao P đã nhận tiền theo quy định.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Cao P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của hộ ông Cao P về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6681/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường về đất do chậm chi trả tiền bồi thường đối với hộ ông Cao P thuộc công trình: Khu Đ, phường T, thành phố B”.

- Bác yêu cầu khởi kiện của hộ ông Cao P về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho ông P trong thời gian từ ngày 12/8/2012 đến ngày 27/8/2019 với số tiền chậm chi trả (lãi suất) tạm tính là 779.700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 04/6/2023, người khởi kiện ông Cao P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện: hủy một phần Quyết định số 6681/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường về đất do chậm chi trả tiền bồi thường đối với hộ ông Cao P thuộc công trình: Khu Đ, phường T, thành phố B”; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho ông P trong thời gian từ ngày 12/8/2012 đến ngày 27/8/2019 với số tiền chậm chi trả (lãi suất) tạm tính là 779.700.000 đồng.

Kháng nghị

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 406/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao P.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện theo uỷ quyền của người kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Quyết định số 6681/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B mới chỉ xem xét bồi thường chậm trả đối với số tiền bồi thường về đất, chưa xem xét bồi thường chậm trả đối với số tiền bồi thường về tài sản vật kiến trúc, nhà cửa, cây trồng trên đất là chưa thực hiện đúng qui định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của ông Cao P, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 12-7-2012, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2566/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 593,1m² đất của hộ gia đình ông Cao P tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình đường T. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12-7-2012 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với công trình đường T. Trong đó, hộ gia đình ông Cao P được bồi thường, hỗ trợ là với số tiền: 1.150.899.254 đồng.

[2] Ngày 31-12-2013, UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số 310/TB-UBND về việc tạm dừng, cắt giảm, giãn tiến độ đối với dự án đầu tư (trong đó có dự án đường T). Đến năm 2017, UBND tỉnh Đ ban hành Văn bản số 4320/UBND-TH về việc tiếp tục thi công công trình đường T. Đến năm 2019, ông Cao P mới được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Ông Cao P yêu cầu chi trả thêm số tiền chậm trả khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông từ ngày 12/7/2012 đến ngày 27/8/2019.

[3] Tại Quyết định số 6681/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B (sau đây gọi tắt là Quyết định 6681) về việc “Phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường đất do chậm chi trả tiền bồi thường đất đối với hộ ông Cao P”, mức bồi thường bổ sung cho hộ ông P số tiền: 179.281.042 đồng.

[4] Ông P không đồng ý với mức bồi thường này và yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 6681 và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B áp dụng khoản 2 Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013, ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho ông P trong thời gian từ ngày 12/8/2012 đến ngày 27/8/2019 với số tiền chậm chi trả (lãi suất) tạm tính là 779.700.000 đồng.

[5] Xét hộ ông Cao P đã được UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ vào năm 2012 và đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 vẫn chưa có kinh phí để chi trả. Theo khoản 8, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định: “8. *Bổ sung khoản 6 và khoản 7 vào Điều 34 như sau: “6. Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014”* thì trường hợp của ông Cao P đã có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ vào năm 2012, nên việc xử lý bồi thường chậm phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014, tức là phải áp dụng điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về việc xử lý chậm chi trả tiền bồi thường về đất, cụ thể như sau:

Điều 9. Giá đất để tính bồi thường và chi phí đầu tư vào đất còn lại

1. Giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng tại thời điểm có quyết định thu hồi đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo

quy định của Chính phủ; không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng.

2. Trường hợp thực hiện bồi thường chậm được quy định như sau:

a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố **cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường**; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi;”

[6] Pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 không có qui định về việc xử lý chậm chi trả tiền bồi thường về giá nhà, tài sản, vật kiến trúc và cây cối hoa màu. Ủy ban nhân dân thành phố B đã có Báo cáo số 236/BC-UBND ngày 06/7/2021 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đ xem xét đối với hộ ông Cao P nhưng chưa được giải quyết.

[7] Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B căn cứ các quy định nêu trên để tính toán giá đất theo bảng giá do UBND tỉnh Đ quy định tại thời điểm cơ quan nhà nước thông báo chi trả tiền bồi thường cho hộ ông Cao P (thời điểm thông báo trả tiền năm 2018 thì căn cứ theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ, cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi đất năm 2012) để bồi thường bổ sung cho hộ ông P số tiền: 179.281.042 đồng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố B không áp dụng khoản 2 Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014) là có căn cứ.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao P đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 để tính bồi thường chậm chi trả từ thời điểm năm 2012 đến năm 2019 với số tiền tạm tính là 779.700.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Cao P và không chấp nhận của kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[10] Ông Cao P là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Cao P;
2. Bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

3. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

4. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Cao P được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P. HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự